

BẢN TIN PHÁP LUẬT
THÁNG 10 - 2019

TRONG SỐ NÀY

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

- **Hỏi đáp.**
- **Các công văn liên quan đến chính sách thuế.**

KIỆN THỨC PHÁP LUẬT

- **Thay đổi quy định về thời hạn kê khai thuế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế thực hiện các nghĩa vụ thuế theo quy định.**
- **Luật quản lý thuế mới số 38/2019/QH14: tăng cường kiểm soát đối với hoạt động thương mại điện tử.**
- **Quy định sửa đổi về khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14.**
- **Điểm mới trong công tác xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế.**

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- **Thông tư số:31/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài chính.**
- **Thông tư số:33/2019/TT-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài chính.**
- **Thông tư số:34/2019/TT-BTC ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài chính.**

DANH SÁCH VĂN BẢN TIÊU BIỂU CÓ HIỆU LỰC THÁNG 10/2019

NỘI DUNG CHI TIẾT

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

1. HỎI ĐÁP

Hỏi:

Tôi có Dự án thực hiện 2 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công) mà trong đó bước thiết kế cơ sở đã hoàn thành (được thẩm định và phê duyệt), thì khi thực hiện bước thiết kế bản vẽ thi công có được tổ chức đấu thầu cùng lúc 2 gói thiết kế và thi công không? Dự toán và thiết kế để lập hồ sơ mời thầu cho gói thi công được lấy từ bước thiết kế cơ sở có đúng luật không? Nếu sau khi thiết kế bản vẽ thi công và lập dự toán có sự sai khác với giá gói thầu được duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Trả lời:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả lời vấn đề này như sau:

Điều 33 Luật Đấu thầu quy định kế hoạch lựa chọn nhà thầu được lập cho toàn bộ dự án, dự toán mua sắm. Trường hợp chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho toàn bộ dự án, dự toán mua sắm thì lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho một hoặc một số gói thầu để thực hiện trước. Trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ số lượng gói thầu và nội dung của từng gói thầu.

Việc phân chia dự án thành các gói thầu phải căn cứ theo tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện; bảo đảm tính đồng bộ của dự án, dự toán mua sắm và quy mô gói thầu hợp lý.

Đối với trường hợp của ông Kiên, việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (trong đó có việc phân chia gói thầu) phải tuân thủ theo quy định nêu trên.



Ngoài ra, liên quan đến quy định của pháp luật về xây dựng, đề nghị ông tham khảo ý kiến của Bộ Xây dựng để được hướng dẫn cụ thể.

Hỏi:

Đề nghị cơ quan chức năng hướng dẫn cho Tôi trường hợp như sau:

Công ty A và công ty B tham gia thỏa thuận liên danh đấu thầu cung cấp hàng hóa. Nội dung thỏa thuận quy định tỷ lệ % phần việc của từng đơn vị, công ty A phải nộp bảo lãnh dự thầu trước khi tham gia đấu thầu.

Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, công ty B báo không đủ khả năng cung cấp hàng đúng tiến độ, dẫn tới không thể đạt được thỏa thuận hợp đồng với chủ đầu tư. Quy trình đàm phán diễn ra đúng theo Luật Đấu thầu.

Cho tôi hỏi, chủ đầu tư có được phép không hoàn trả bảo lãnh dự thầu hoặc áp dụng mức phạt (khấu trừ vào bảo lãnh) đối với liên danh nhà thầu không? Nếu có phát sinh chi phí trong mục 1 thì các thành viên liên danh phân chia chi phí như thế nào? Điều luật nào quy định? Nếu không thể thương lượng được thì khởi kiện ra cơ quan nào?

Trả lời:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả lời vấn đề này như sau:

Khoản 6, Điều 11 Luật Đấu thầu quy định trường hợp liên danh tham dự thầu, từng thành viên trong liên danh có thể thực hiện bảo đảm dự thầu riêng rẽ hoặc thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu cho thành viên đó và cho thành viên khác trong liên danh.

Tổng giá trị của bảo đảm dự thầu không thấp hơn giá trị yêu cầu trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định tại Khoản 8 Điều này thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh không được hoàn trả.

Theo đó, trường hợp thành viên trong liên danh vi phạm quy định tại Khoản 8, Điều 11 Luật Đấu thầu thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh không được hoàn trả theo quy định nêu trên.

Hỏi:

Tôi làm việc tại công ty A được 15 năm nhưng vì là doanh nghiệp (DN) nhỏ nên tôi và 3 nhân viên khác không được đóng BHXH. Nay, chủ DN đồng ý đóng bổ sung BHXH cho 15 năm làm việc của tôi. Vậy, tôi có được đóng BHXH bắt buộc tính từ thời điểm đó hay phải mua BHXH tự nguyện? Nếu vậy thì chủ DN có bị xử phạt và phải đóng BHXH cho cả các thành viên khác không?

Trả lời:

BHXXH Việt Nam trả lời vấn đề này như sau:

Căn cứ quy định tại Điều 122 Luật BHXXH năm 2014, Điều 49 Luật BHYT hợp nhất số 01/VNHN-VBQH ngày 10/7/2014; Điều 26 Nghị định số 95/2013/NĐ-CP ngày 22/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt quy định hành chính trong lĩnh vực lao động, BHXXH và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Điều 216 Bộ Luật Hình sự năm 2015, người sử dụng lao động có hành vi trốn đóng, chậm đóng, chiếm dụng tiền đóng BHXXH, BHYT, BHTN của người lao động từ 30 ngày trở lên thì ngoài việc phải đóng đủ số tiền chưa đóng, chậm đóng và bị xử lý theo quy định của pháp luật còn phải nộp số tiền lãi BHXXH, BHTN bằng 2 lần mức lãi suất đầu tư quỹ BHXXH bình quân của năm trước liền kề, BHYT bằng 2 lần mức lãi suất liên ngân hàng tính trên số tiền thời gian chậm đóng ngoài ra người sử dụng lao động còn bị phạt tiền với mức từ 12%-15% tổng số tiền phải đóng BHXXH, BHTN tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính (tối đa không quá 75 triệu đồng) và bị phạt từ 50 triệu đồng đến 200 triệu đồng, cải tạo không giam giữ từ một năm hoặc phạt từ 33 tháng đến một năm đối với đơn vị sử dụng lao động gian dối hoặc thủ đoạn khác để không đóng, đóng không đầy đủ BHXXH, BHYT, BHTN từ 6 tháng trở lên.

Đối chiếu với quy định trên đơn vị sử dụng lao động phải truy đóng BHXXH, BHYT, BHTN cho người lao động và số tiền lãi của số tiền chưa đóng, chậm đóng, theo quy định và bị phạt mức tiền 12%-15% (tối đa không quá 75 triệu đồng) và bị xử lý theo điều 216 Bộ Luật Hình sự 2015 nêu trên.

Hỏi:

Tôi có một thắc mắc mong được quý Bộ giải đáp giúp như sau: Tại Thông tư số 107/2017 hướng dẫn chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp, khi hạch toán tài khoản 911 có các tài khoản con là: 9111 xác định kết quả hoạt động hành chính sự nghiệp; 9112 xác định kết quả hoạt động SXKD, DV; 9113 xác định kết quả hoạt động tài chính; 9118 xác định kết quả hoạt động khác. Như vậy khi kết chuyển từ 911 sang 421 thì vướng mắc xảy ra: Về tổng thể tài khoản cái 911 kết chuyển sang 421 là hết không có số dư nhưng về chi tiết các tài khoản con 9112, 9113... thì không phải tài khoản con nào cũng hết số dư. Vì tôi chỉ thấy hướng dẫn hạch toán từ 911 là tài khoản cái chứ không phải từ 1 tài khoản con nào của 911... sang 421. Vậy hạch toán như thế nào cho phù hợp để khi đó tài khoản con cũng không còn số dư như tài khoản cái 911? Rất mong nhận được hồi đáp của quý Bộ

Trả lời:

Căn cứ Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, về kết cấu và nội dung phản ánh của TK 911- Xác định kết quả, quy định TK 911 không có số dư cuối kỳ (phải kết chuyển hết về TK 421- Thặng dư (thâm hụt) lũy kế.

Căn cứ điểm b, khoản 3 Điều 4 Thông tư số 107/2017/TT-BTC quy định "Đơn vị được bổ sung tài khoản chi tiết cho các tài khoản đã được quy định trong danh mục hệ thống tài khoản kế toán (Phụ lục số 02) kèm theo Thông tư 107/2017/TT-BTC để phục vụ yêu cầu quản lý của đơn vị. Trường hợp bổ sung tài khoản ngang cấp với các tài khoản đã được quy định trong danh mục hệ thống tài khoản kế toán (Phụ lục số 02) kèm theo Thông tư 107 thì phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện". Theo đó, nếu đơn vị thấy cần thiết phải bổ sung các TK chi tiết của TK 421 phục vụ yêu cầu quản lý thì được bổ sung tài khoản chi tiết (nhưng không ngang cấp với các TK đã quy định trong Thông tư 107).

Hỏi:

Công ty tôi là Công ty Cổ phần có góp 70% vốn một đơn vị khác tương ứng 21 tỷ, Cho Công ty con vay 19 tỷ. Do Công ty con hoạt động không hiệu quả lỗ liên tục nhiều năm và không trả được khoản vay, Công ty tôi đã lập dự phòng theo quy định và trích lập dự phòng đầu tư tài chính (đã dự phòng lỗ lũy kế 13 tỷ). Khi thực hiện báo cáo hợp nhất, tôi thực hiện cộng ngang và điều chỉnh ảnh hưởng các khoản phải thu/ phải trả, dự phòng, Lãi vay (doanh thu TC) và CP tài chính. Đến nay khi tôi thoái vốn (10/1/2019, Bán Công ty con được 14 tỷ, Thu được 8 tỷ công nợ phải thu Tôi thực hiện như sau (31/12/2018): Hoàn nhập lại khoản dự phòng tài chính 13 tỷ. Sau đó trích lập Nợ 635/ Có 229: 7 tỷ (21 tỷ - 14 tỷ). Hoàn nhập Nợ 229/ Có 642 : 8 tỷ Tại ngày 10/1/2019, Tôi thực hiện như sau : -Báo cáo riêng Nợ 229 : 7 tỷ/ Nợ 112 : 14 - Có 221 : 21 tỷ -Báo cáo hợp nhất tôi ghi nhận theo giá trị thuần hướng dẫn tại TT202 : Nợ 421/ Có 515 : 7 tỷ (Do giá trị thuần tại ngày thoái của cty con là 10 tỷ, 70% là 7 tỷ, bán đc 14 tỷ - 7 tỷ gtri thuần) - Trên BCTC riêng sẽ vẫn còn lại khoản phải thu và dự phòng 11 tỷ (do bên mua cam kết phối hợp cùng công ty con thanh toán theo tiến độ) - Trên BCTC hợp nhất cũng sẽ có khoản phải thu và dự phòng này (do không còn là giao dịch nội bộ). Về Bảng CĐKT vẫn đang tồn tại nghĩa vụ phải thu. Còn về KQKD năm 2019, tôi thể hiện khoản chênh lệch giữa giá trị thuần và giá bán. Vậy xin hỏi, tôi ứng xử nghiệp vụ thoái vốn trên đã đúng quy định về chính sách kế toán và đúng nguyên tắc kế toán chưa ạ? Xin trân trọng cảm ơn!

Trả lời:

Trả lời về thoái vốn tại công ty con, Cục QLGS Kế toán, Kiểm toán có ý kiến đối với các báo cáo tài chính của Công ty Quý Độc giả có hoạt động đầu tư vào công ty con và cho công ty con vay vốn như sau:

1. Đối với Báo cáo tài chính riêng

Tại đoạn 06 của Chuẩn mực kế toán số 23 – Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm quy định: “Doanh nghiệp phải điều chỉnh các số liệu đã được ghi nhận trong báo cáo tài chính để phản ánh các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần điều chỉnh.”

Theo mô tả, Công ty của Quý Độc giả (Công ty) có khoản đầu tư vào công ty con đồng thời có phát sinh giao dịch cho công ty con này vay tiền. Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình tài chính và kết quả hoạt động của công ty con, tại ngày 31/12/2018, công ty đã trích lập khoản dự phòng đầu tư vào công ty con và dự phòng khoản phải thu về cho vay đối với công ty con theo quy định. Đến ngày 10/1/2019, Công ty đã thanh lý toàn bộ công ty đồng thời thu được một phần nợ phải thu về cho vay.

Theo đoạn 07 chuẩn mực kế toán Việt Nam số 23- Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm thì thông tin về việc công ty đã thanh lý công ty con đồng thời đã thu được một phần khoản nợ phải thu về cho vay đối với công ty con tại ngày 10/1/2019 cung cấp bằng chứng về giá trị các khoản dự phòng đầu tư tài chính và dự phòng phải thu khó đòi đã ghi nhận trước đây nên sẽ là sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần điều chỉnh. Vì vậy, kế toán phải căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị để tính toán lại số dự phòng đầu tư vào công ty con và dự phòng phải thu về cho vay cần phải trích lập tại ngày 31/12/2018 và thực hiện các bút toán điều chỉnh số liệu trong sổ sách và báo cáo tài chính năm 2018 cho phù hợp với hướng dẫn tại Điều 90 và Điều 92 Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Việc hạch toán giao dịch thanh lý công ty con và thu hồi một phần khoản nợ phải thu về cho vay tại ngày 10/1/2019 được thực hiện như hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC.



2. Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất:

Tại khoản 5 Điều 48 Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 quy định: “Trường hợp công ty mẹ thoái toàn bộ vốn tại công ty con thì kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất nếu công ty mẹ vẫn còn các công ty con khác và phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu công ty mẹ có duy nhất một công ty con và thoái toàn bộ vốn tại công ty con đó thì sau khi thoái vốn, công ty mẹ không phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Kết quả từ việc thoái vốn chính là số được ghi nhận trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ.”

Tại khoản 1 Điều 49 Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 quy định: “Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản lãi, lỗ khi thoái vốn tại công ty con được xác định là chênh lệch giữa khoản công ty mẹ thu được từ việc thoái vốn trừ đi (-) phần tài sản thuần của công ty con được công ty mẹ chuyển giao cho các bên khác và phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ đến thời điểm công ty mẹ thoái vốn.”

Nội dung câu hỏi của Quý Độc giả không đề cập đến việc có phát sinh lợi thế thương mại khi mua công ty con không và công ty của Quý Độc giả còn công ty con nào khác hay không nên Bộ Tài chính chưa có căn cứ để trả lời.

Tuy nhiên, đề nghị Quý Độc giả căn cứ Điều 48, 49 và Điều 53 Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và tình hình thực tế tại Công ty để hạch toán nghiệp vụ thoái vốn cho phù hợp.

Hỏi:

Đơn vị tôi thực hiện thanh toán công tác phí: tiền vé xe, vé cầu đường, tiền thuê phòng nghỉ và tiền công tác phí qua kho bạc nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Lâu nay, đơn vị vẫn thanh toán tiền vé cầu đường bằng chuyển khoản vào tài khoản của lái xe. tuy nhiên trong tháng 4/2019 kho bạc không chấp nhận thanh toán chuyển khoản mà phải rút tiền mặt để chi trả, trong khi tiền công tác phí, tiền ngủ được phép chuyển khoản vào cho từng cá nhân đi công tác. Thiết nghĩ về mặt kế toán 1 bộ chứng từ đi công tác phải thanh toán cùng nhau bằng hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản, nhưng khi đơn vị đề nghị rút tiền mặt cho cả bộ chứng từ đi công tác đó, thì kho bạc không chấp nhận với lý do: cá nhân có tài khoản nên tiền công tác phí, tiền ngủ phải chuyển khoản cho từng cá nhân. Như vậy, cùng 1 bộ chứng từ đơn vị phải phê duyệt công lệnh để làm 1 bộ rút tiền mặt, 1 bộ chuyển khoản như vậy có phù hợp với tiết kiệm, chống lãng phí, phù hợp với hạn chế thanh toán dùng tiền mặt? và tiền vé cầu đường đó đơn vị chỉ chuyển cho 1 người lái xe không phải chuyển hết cho các nhân đi công tác. Kính mong nhận được câu trả lời của Bộ tài chính (đơn vị đã đề nghị kho bạc cung cấp văn bản nhưng kho bạc trả lời chung chung, không đưa văn bản cụ thể theo thông tư hay công văn nào).

Trả lời:

Theo Khoản 5, Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/12/2016 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước quy định: “Chi ngân sách nhà nước thực hiện theo nguyên tắc thanh toán trực tiếp từ Kho bạc Nhà nước cho người hưởng lương, phụ cấp, trợ cấp và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp một số khoản chi chưa đủ điều kiện thực hiện việc thanh toán trực tiếp từ Kho bạc Nhà nước, đơn vị sử dụng ngân sách được tạm ứng kinh phí để chủ động chi theo dự toán được giao, sau đó thanh toán với Kho bạc Nhà nước theo đúng quy định của BTC”.

Bên cạnh đó, theo Khoản 2, Điều 1 Thông tư số 136/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống kho bạc nhà nước về việc sửa đổi khoản 1, Điều 6 Nội dung chi tiền mặt như sau:

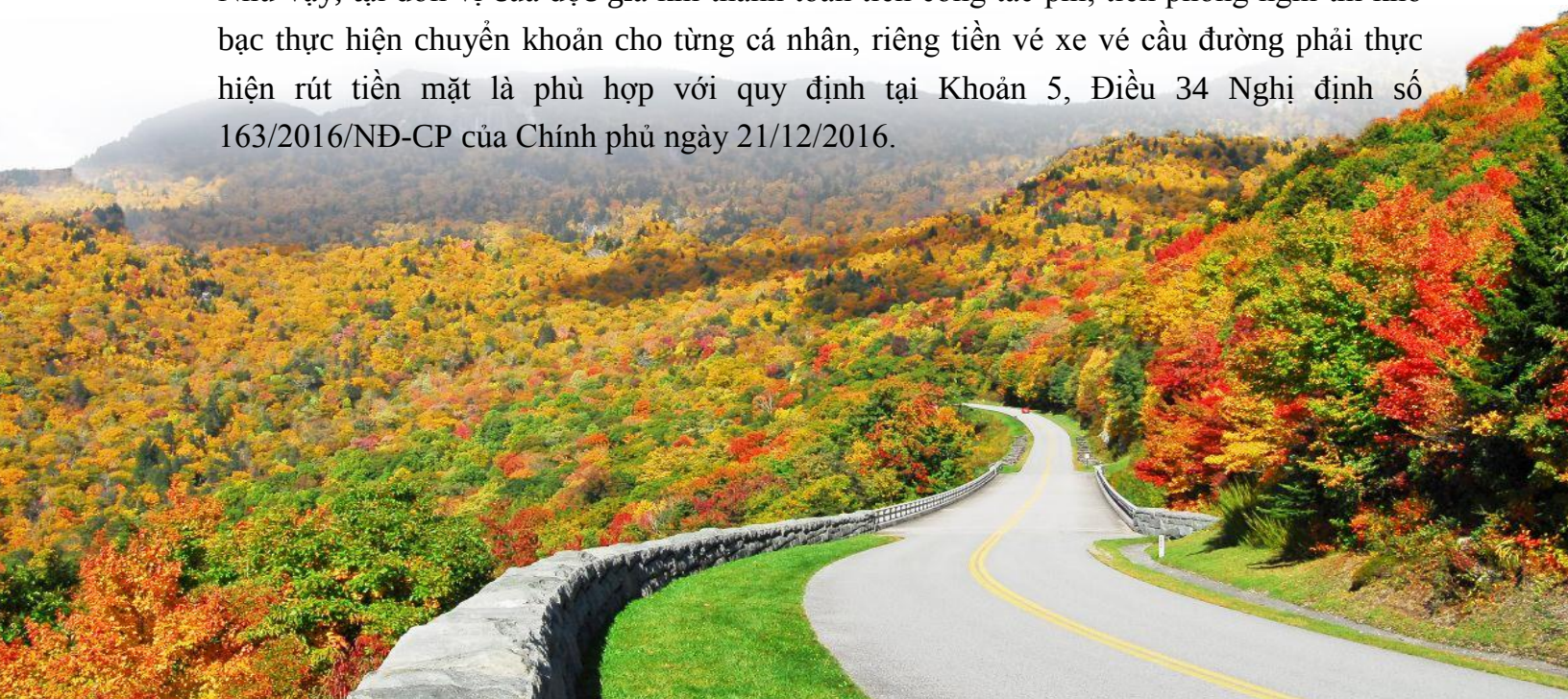
“1. Các khoản chi thanh toán cá nhân, bao gồm: tiền lương; tiền công; tiền công tác phí; phụ cấp lương; học bổng học sinh, sinh viên; tiền thưởng; phúc lợi tập thể; chi cho cán bộ xã, thôn, bản đương chức; chi thực hiện chế độ chính sách người có công với cách mạng; chi công tác xã hội; chi lương hưu và trợ cấp xã hội; chi tiền ăn trưa cho trẻ em mầm non, học sinh; các khoản thanh toán khác cho cá nhân.

Trường hợp chi thanh toán cá nhân cho các đối tượng hưởng lương từ NSNN thuộc diện bắt buộc phải thanh toán bằng chuyển khoản...

...

b) Nội dung thực hiện chi trả qua tài khoản, bao gồm: Tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp lương; chi bổ sung thu nhập; tiền điện thoại đối với các chức danh có tiêu chuẩn; các khoản thanh toán cho cá nhân thực hiện chế độ giao khoán kinh phí theo quy định và các khoản chi thanh toán cho cá nhân khác...”

Như vậy, tại đơn vị của độc giả khi thanh toán tiền công tác phí, tiền phòng nghỉ thì kho bạc thực hiện chuyển khoản cho từng cá nhân, riêng tiền vé xe vé cầu đường phải thực hiện rút tiền mặt là phù hợp với quy định tại Khoản 5, Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/12/2016.



Hỏi:

Đơn vị tôi là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên có nguồn thu từ dịch vụ. Theo quy định phải trích 40% cải cách tiền lương. Xin hỏi trích 40% từ doanh thu hay 40% từ chênh lệch thu chi hàng năm?

Trả lời:

Câu hỏi của độc giả không chi tiết việc trích lập nguồn điều chỉnh mức lương cơ sở của năm nào. Tuy nhiên, về việc trích lập nguồn điều chỉnh mức lương cơ sở năm 2019 thì ngày 23/7/2019, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 46/2019/TT-BTC về việc hướng dẫn báo cáo nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh tiền lương cơ sở năm 2019, trong đó:

(i) Hướng dẫn về việc xác định nguồn điều chỉnh tiền lương cơ sở năm 2019 tại các đơn vị sự nghiệp công lập ở địa phương như sau: “Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2019; riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%. Phạm vi trích số thu được để lại thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều này” (điểm a, khoản 2, Điều 3).

(ii) Hướng dẫn việc xác định số thu dịch vụ được để lại để tạo nguồn điều chỉnh tiền lương cơ sở năm 2019 đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: “Đối với số thu dịch vụ, các hoạt động liên doanh liên kết và các khoản thu khác: sử dụng tối thiểu 40% số thu từ các hoạt động trên sau khi trừ các chi phí trực tiếp đã tính vào giá dịch vụ cho các hoạt động này và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định” (điểm b, khoản 3, Điều 3).

(iii) Hướng dẫn việc xác định nguồn điều chỉnh tiền lương cơ sở năm 2019 đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: “Đơn vị được quyết định tỷ lệ nguồn thu phải trích lập để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương và tự bảo đảm nguồn kinh phí điều chỉnh mức tiền lương cơ sở từ nguồn thu của đơn vị, bao gồm cả nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2018 chưa sử dụng (nếu có)” (điểm 4, Điều 3).

Vì vậy, đề nghị độc giả căn cứ mức độ tự chủ tài chính của đơn vị mình để thực hiện việc trích lập nguồn điều chỉnh tiền lương cơ sở theo quy định.

Hỏi:

Kính gửi cục quản lý giám sát bảo hiểm. Hiện tại Công ty tôi đang là nhà thầu phụ cho một nhà thầu chính khác để thi công công trình tại Bình Dương. Căn cứ theo Nghị định 119/2015 của Chính phủ và Thông tư 329/2016 của Bộ tài chính thì: Mục 3 điều 4 Nghị định 119/2015: nhà thầu thi công xây dựng phải mua bảo hiểm với người lao động thi công trên công trường; Và Điểm c mục 2 điều 3 Thông tư 329/2016: Nhà thầu thi công xây dựng (đối với bảo hiểm đối với người lao động thi công trên công trường). Như vậy, trách nhiệm mua bảo hiểm đối với người lao động thi công trên công trường là trách nhiệm của nhà thầu xây dựng. Nhưng trong hoạt động xây dựng, như trường hợp của công ty tôi, là nhà thầu thi công phụ của nhà thầu thi công chính, thì việc xác định trách nhiệm mua bảo hiểm như thế nào? Xin mong sớm nhận được câu trả lời. Trân trọng cảm ơn.

Trả lời:

- Theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 119/2015/NĐ-CP, nhà thầu thi công xây dựng phải mua bảo hiểm đối với người lao động thi công trên công trường.
 - Theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 329/2016/TT-BTC: Đối với bảo hiểm đối với người lao động thi công trên công trường, bên mua bảo hiểm là nhà thầu thi công xây dựng.
- Nghị định số 119/2015/NĐ-CP và Thông tư số 329/2016/TT-BTC quy định nhà thầu thi công xây dựng phải mua bảo hiểm cho người lao động thi công trên công trường, không quy định nhà thầu chính hay nhà thầu phụ.



2. CÁC CÔNG VĂN TRẢ LỜI VỀ THUẾ.

Công văn số:68923/CT-TTHT ngày 03 tháng 09 năm 2019 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc thuế TNCN đối với thu nhập của cá nhân không cư trú.

Cục Thuế TP nhận được công văn số CV-ACC/2019.34 ghi ngày 11/7/2019 và hồ sơ bổ sung thông tin tài liệu số CV-ACC/2019-043 ghi ngày 15/8/2019 của Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV, Cục thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Luật thuế TNCN số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007 của Quốc hội:
- Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.

Căn cứ các quy định nêu trên, Cục Thuế TP Hà Nội hướng dẫn đơn vị như sau:

Trường hợp Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV mở Văn phòng đại diện tại Lào, Campuchia và sử dụng lao động bản địa làm việc cho Văn phòng đại diện, nếu các cá nhân này không phải là đối tượng cư trú tại Việt Nam thì thu nhập có được do làm việc cho Văn phòng đại diện tại nước ngoài không chịu thuế TNCN tại Việt Nam.

Trường hợp Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV chi trả chi phí ăn ở, đi lại ... cho người lao động nước ngoài sang làm việc tại Việt Nam (là các cá nhân không cư trú) thì khoản chi phí ăn ở, đi lại cho người lao động, nước ngoài tại Việt Nam là thu nhập chịu thuế TNCN; Công ty có trách nhiệm khấu trừ 20% trước khi chi trả cho cá nhân theo quy định.

Khoản tiền lương, tiền công Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV chi trả cho người lao động nước ngoài (là cá nhân không cư trú tại Việt Nam) khi thực hiện phần việc tại Việt Nam được xác định là thu nhập chịu thuế TNCN tại Việt Nam. Công ty có trách nhiệm khấu trừ 20% thuế TNCN trước khi chi trả cho cá nhân theo quy định.

Công văn số:68928/CT-TTHT ngày 03 tháng 09 năm 2019 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc xuất hóa đơn điện tử kèm bảng kê.

Trả lời công văn số 01-07/2019/CV/SGV-HN ngày 15/8/2019 của CN Công ty TNHH SG Sagawa Việt Nam tại Hà Nội hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Căn cứ quy định trên, hóa đơn điện tử (viết tắt HĐĐT) bản chất là tập hợp các thông điệp dữ liệu điện tử về bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, được khởi tạo, lập, gửi, nhận, lưu trữ và quản lý bằng phương tiện điện tử, số dòng có thể tăng lên tùy theo số lượng hàng hóa, sản phẩm có trên hóa đơn. Khi bán hàng hóa Công ty xuất hóa đơn điện tử cho khách hàng thì Công ty không được lập hóa đơn điện tử không hiển thị đầy đủ danh mục hàng hóa bán ra mà lại kèm theo bảng kê hàng hóa bản giấy cho khách hàng trong đó có những hàng hóa không được hiển thị trên hóa đơn điện tử. Tuy nhiên khi bán hàng hóa Công ty lập hóa đơn điện tử có đính kèm file dữ liệu điện tử trên hệ thống điện tử cho khách hàng nếu có sự đảm bảo, đủ tin cậy về tính toàn vẹn của thông tin chứa trong hóa đơn điện tử và thông tin chứa trong hóa đơn điện tử có thể truy cập, sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh khi cần thiết theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 của Bộ Tài chính thì hóa đơn điện tử đã lập của Công ty có giá trị pháp lý theo quy định.

Công văn số:69252/CT-TTHT ngày 04 tháng 09 năm 2019 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc hướng dẫn xác định thu nhập chịu thuế.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số OM.15072019 ngày 15/07/2019 của Công ty TNHH Omron Việt nam (sau đây gọi là “Công ty”) hỏi về cách quy đổi thu nhập của người nước ngoài. Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính:
- Căn cứ Khoản 1, Điều 14, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Căn cứ quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp lao động là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam thì thu nhập chịu thuế của người lao động là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập.

Trường hợp cá nhân đó trong kỳ tính thuế nhận hai nguồn thu nhập là tiền lương, tiền công không bao gồm thuế tại Việt Nam và tiền lương, tiền công bao gồm thuế và bảo hiểm bắt buộc tại nước ngoài thì:

- Đối với khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công không bao gồm thuế tại Việt Nam thì phải quy đổi nguồn thu nhập không bao gồm thuế thành thu nhập tính thuế theo Phụ lục số 02/PL-TNCN ban hành kèm theo Thông tư 111/2013/TT-BTC để xác định thu nhập chịu thuế. Sau đó, Công ty tổng hợp khoản tiền lương, tiền công không bao gồm thuế của

cá nhân nhận tại Việt Nam cùng với khoản tiền lương, tiền công bao gồm thuế và bảo hiểm mà người lao động nhận được tại nước ngoài để tính ra thu nhập chịu thuế TNCN mà người lao động phải nộp trong kỳ.

- Đối với khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công bao gồm thuế và bảo hiểm bắt buộc nhận ở nước ngoài thì Công ty không phải thực hiện quy đổi.

Công văn số:70538/CT-TTHT ngày 09 tháng 09 năm 2019 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc khoản chi phí được Công ty mẹ trả thay.

Ngày 22/8/2019, Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 01-2019/MEILIN/CV đề ngày 02/8/2019 của Chi nhánh Công ty Luật Bengoshi - Hojin Meilin Kokusai Horitsu Jimusho tại Hà Nội (sau đây gọi là Công ty) hỏi về chính sách thuế đối với chi phí được chi trả hộ có hóa đơn GTGT. Về nội dung này, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 15 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 và Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính).

- Căn cứ Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Điều 1 Thông tư số 151/2014/TT-BTC).

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty được Công ty mẹ tại Nhật Bản trả thay các khoản chi phí tiền cho nhà cung cấp, Công ty không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC, Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC nêu trên thì Công ty không đủ điều kiện để được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào và hạch toán vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN đối với các hóa đơn GTGT nhận được từ nhà cung cấp.



Công văn số:3577/TCT-CS ngày 10 tháng 09 năm 2019 của Tổng Cục thuế về việc chính sách thuế.

Tổng cục Thuế nhận được văn thư số 20190221/DauTieng-CV03 ngày 7/6/2019 của Văn phòng Đại diện Dầu Tiếng Photovoltaic Solar Power Plant Project in Vietnam về giải đáp chính sách thuế. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Tại Điều 15 Thông tư số 219/2013/TT-BTC nêu trên (đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014; Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 và Thông tư số 173/2016/TT-BTC ngày 28/10/2016 của Bộ Tài chính) quy định về điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.
2. Tại Khoản 2, Khoản 5 Điều 8 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định.

Căn cứ quy định nêu trên, theo trình bày của VPĐH Dầu Tiếng Photovoltaic Solar Power Plant Project In Vietnam (gọi tắt là VPĐH Dầu Tiếng) là nhà thầu nước ngoài, được cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế vào ngày 14/8/2018, đăng ký nộp thuế theo phương pháp hỗn hợp. Đơn vị ký hợp đồng thiết kế, lắp đặt, và thử nghiệm hệ thống thiết bị quang điện cho Công ty CP Năng lượng Dầu Tiếng Tây Ninh (nhà đầu tư), theo hợp đồng chủ đầu tư thực hiện tạm ứng 10% giá trị hợp đồng vào tháng 7 năm 2018, trước khi VPĐH Dầu Tiếng thành lập, nếu chủ đầu tư đã kê khai, nộp thay thuế nhà thầu theo tỉ lệ (%) cho số tiền tạm ứng này thì nhà thầu không được bù trừ số thuế GTGT chủ đầu tư đã nộp thay khi khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đối với doanh thu phát sinh của nhà thầu kể từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế đồng thời không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào phát sinh trước khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế.

Về vấn đề nêu trên, Cục Thuế tỉnh Tây Ninh đã có công văn số 1162/CT-TTHT ngày 7/3/2019 trả lời VPĐH Dầu Tiếng Photovoltaic Solar Power Plant Project In Vietnam.

Đề nghị VPĐH Dầu Tiếng Photovoltaic Solar Power Plant Project In Vietnam căn cứ quy định nêu trên và công văn số 1162/CT-TTHT ngày 7/3/2019 nêu trên để thực hiện.

Công văn số: 71443/CT-TTHT ngày 11 tháng 09 năm 2019 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc hướng dẫn xác định chi phí lãi vay theo khoản 3 Điều 8 Nghị định 20/2017/NĐ-CP.

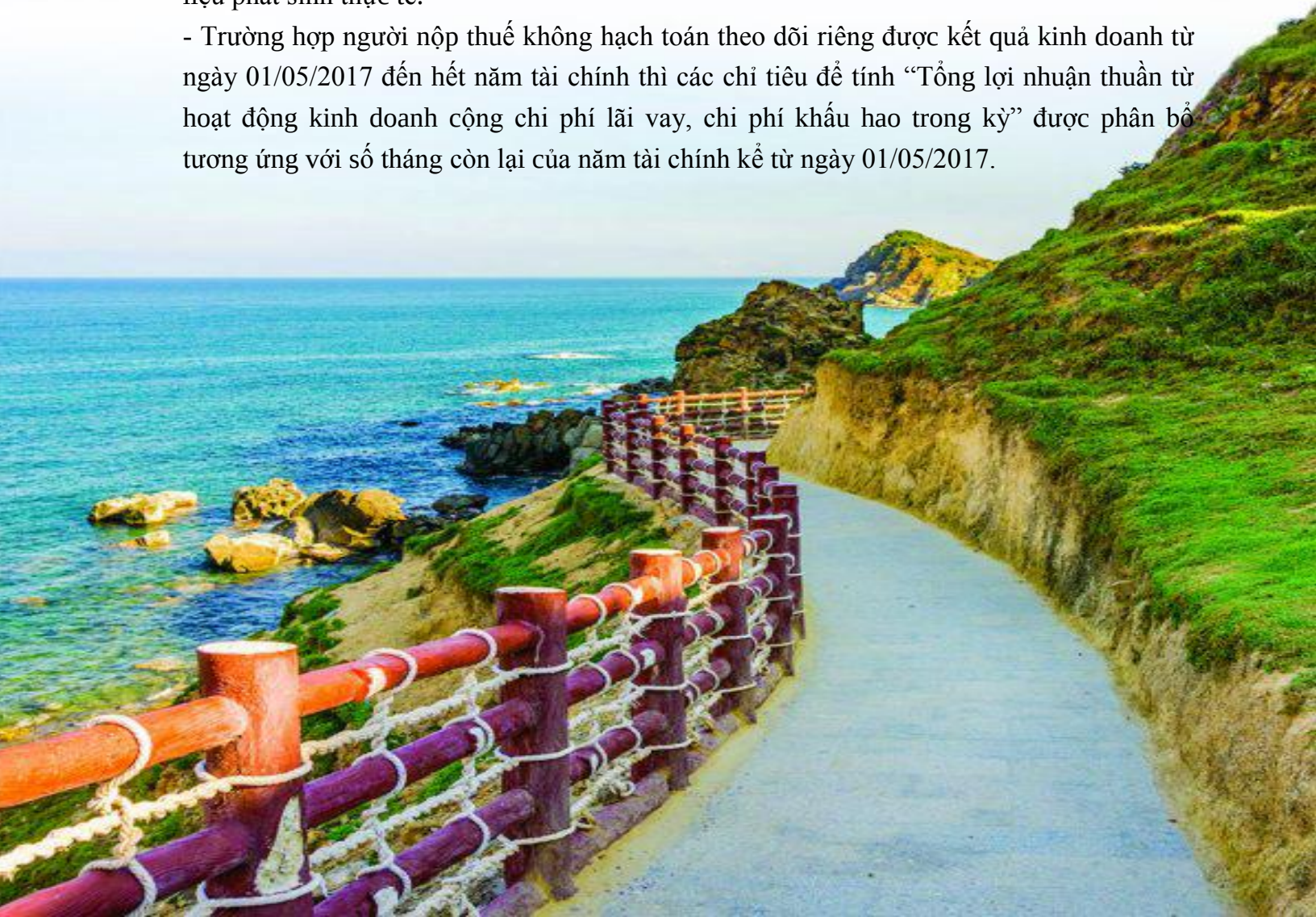
Trả lời công văn hỏi số Lotte/Fin/03032018 ngày 13/03/2018 của Công ty TNHH Lotte Coralys Việt Nam hỏi về việc áp dụng quy định xác định chi phí lãi vay tại Khoản 3 Điều

8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP khi Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/05/2017. Sau khi báo cáo Tổng cục Thuế về vướng mắc trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015 quy định việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật.
- Căn cứ Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.
- Căn cứ Điều 6 Thông tư số 41/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2017/NĐ-CP.

Căn cứ các quy định trên, việc xác định chi phí lãi vay của người nộp thuế có giao dịch liên kết được trừ để xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP được thực hiện như sau:

- Áp dụng quy định đối với chi phí lãi vay phát sinh từ ngày 01/05/2017 trở đi đến hết năm tài chính, không phân biệt hợp đồng vay được ký kết trước hay sau ngày 01/05/2017.
- Trường hợp người nộp thuế hạch toán theo dõi riêng được kết quả kinh doanh từ 01/05/2017 đến hết năm tài chính thì các chỉ tiêu để tính “Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ” được xác định theo số liệu phát sinh thực tế.
- Trường hợp người nộp thuế không hạch toán theo dõi riêng được kết quả kinh doanh từ ngày 01/05/2017 đến hết năm tài chính thì các chỉ tiêu để tính “Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ” được phân bổ tương ứng với số tháng còn lại của năm tài chính kể từ ngày 01/05/2017.



Công văn số: 72254/CT-TTHT ngày 16 tháng 09 năm 2019 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc chính sách thuế đối với địa điểm kinh doanh khác tỉnh.

Trả lời công văn số 42/2019/CV-DT ngày 25/7/2019 của Công ty cổ phần dụng cụ thể thao Delta về vướng mắc chính sách thuế đối với địa điểm kinh doanh khác tỉnh, sau khi báo cáo Tổng cục Thuế, Cục thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp Công ty CP dụng cụ thể thao Delta có trụ sở tại tỉnh Thanh Hóa, có mở hệ thống các cửa hàng trên toàn quốc với mô hình thành lập địa điểm kinh doanh khác tỉnh với Công ty theo quy định tại Nghị định số 108/2018/NĐ-CP (không thành lập Chi nhánh tại các tỉnh), các địa điểm kinh doanh không có mã số thuế riêng thì:

- Về đăng ký thuế cho địa điểm kinh doanh: đơn vị gửi hồ sơ đăng ký thuế tới cơ quan Thuế được giao nhiệm vụ quản lý thuế đối với địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp để cơ quan Thuế cấp mã số thuế 13 số cho địa điểm kinh doanh.
- Về lệ phí môn bài: Sau khi địa điểm kinh doanh được cấp mã số thuế 13 số, đơn vị chủ quản của địa điểm kinh doanh sử dụng mã số thuế 13 số này để kê khai, nộp lệ phí môn bài theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 302/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.
- Về thông báo phát hành hóa đơn: Đơn vị chủ quản của địa điểm kinh doanh sử dụng chung mẫu hóa đơn của đơn vị chủ quản cho từng địa điểm kinh doanh, gửi Thông báo phát hành hóa đơn của từng địa điểm kinh doanh cho cơ quan thuế được phân công quản lý thuế địa điểm kinh doanh.
- Về kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng: từ thời điểm ngày 12/8/2019, đơn vị chủ quản của địa điểm kinh doanh sử dụng mã số thuế 13 số của địa điểm kinh doanh để kê khai, nộp thuế phát sinh cho từng địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi đơn vị chủ quản đóng trụ sở với cơ quan thuế quản lý trực tiếp địa điểm kinh doanh theo quy định tại Điểm c, Điểm d Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC và Khoản 4 Điều 12 Thông tư số 219/2013/TT-BTC được sửa đổi tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 119/2014/TT-BTC nêu trên.

Công văn số 3793/TCT-CS ngày 23/9/2019 của Tổng Cục thuế về việc hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư.

Công ty Cổ phần Điện mặt trời Europlast Long An được thành lập từ dự án đầu tư Nhà máy điện mặt trời Europlast Long An theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 1101877021 ngày 16/3/2018, thay đổi lần thứ hai ngày 02/11/2018. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đầu tư số 0814467137 ngày 05/7/2018 về việc xây dựng dự án Nhà máy điện mặt trời Europlast Long An có quy định thời gian đưa nhà máy

vào vận hành sản xuất kinh doanh từ ngày 01/6/2019. Ngày 03/6/2019 Công ty được cấp giấy phép hoạt động điện lực, ngày 20/6/2019 Công ty chính thức bán sản phẩm cho EVN Việt Nam thì Cục Thuế xử lý việc hoàn thuế GTGT đối với số thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động nếu đáp ứng đủ các điều kiện khấu trừ, điều kiện hoàn thuế đối với dự án đầu tư tại Khoản 3 Điều 1 Luật số 1 06/2016/QH13 ngày 06/4/2016, khoản 6 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/6/2016 của Bộ Tài chính.

Công văn số 3795/TCT-CS ngày 23/9/2019 của Tổng Cục thuế về việc nộp lệ phí môn bài và thuế giá trị gia tăng cho chi nhánh không kinh doanh.

Căn cứ Điều 2 và Điều 3 Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 4/10/2016 của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài thì doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật và chi nhánh của doanh nghiệp đều là người nộp lệ phí môn bài; Công ty TNHH Phúc Vĩnh không thuộc trường hợp miễn lệ phí môn bài.

Căn cứ Khoản 3 Điều 4, Khoản 1 Điều 45 Luật doanh nghiệp 2014, chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp với ngành nghề kinh doanh theo đúng ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp. Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, hoặc một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi.

Trường hợp doanh nghiệp có thành lập chi nhánh ở địa phương cấp tỉnh khác doanh nghiệp có trụ sở chính, nếu đơn vị trực thuộc không trực tiếp bán hàng, không phát sinh doanh thu thì thực hiện kê khai thuế giá trị gia tăng tập trung tại trụ sở chính theo quy định tại Tiết c Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC nêu trên.

Công văn số 3796/TCT-CS ngày 23/9/2019 của Tổng Cục thuế về việc miễn tiền thuê đất đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính.

Kể từ ngày 01/07/2014 (ngày Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành) thì tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính sử dụng đất để xây dựng công trình sự nghiệp thuộc đối tượng được Nhà nước cho thuê đất Trường hợp thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất (không gắn với dự án đầu tư, thuê đất mới) và nộp đủ hồ sơ hợp lệ trước ngày 01/07/2017 thì thời điểm được miễn, giảm tiền thuê đất tính từ thời điểm phải nộp tiền

thuê đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 đối với trường hợp chuyển từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất.

Trường hợp thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất nêu trên nộp đủ hồ sơ hợp lệ từ ngày 01/07/2017 trở đi thì chỉ được miễn, giảm tiền thuê đất cho thời gian ưu đãi còn lại (nếu còn), thời gian chậm làm thủ tục miễn, giảm tiền thuê đất thì không được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Thông tư số 77/2014/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 333/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính).

Công văn số:73973/CT-TTHT ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc chính sách thuế TNCN đối với hợp đồng thuê chuyên gia.

Trả lời văn bản số 920/HABECO-TV đề ngày 23/8/2019 của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (sau đây gọi là "Công ty") hỏi về chính sách thuế TNCN đối với hợp đồng thuê chuyên gia, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005, quy định.
- Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.
- Căn cứ Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế hướng dẫn (áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi).
- Căn cứ Khoản 7, Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 sửa đổi, bổ sung Điều 16 Thông tư số 39/2014/TT-BTC hướng dẫn về quản lý hóa đơn.



- Căn cứ Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

Căn cứ các quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội trả lời nguyên tắc như sau:

Trường hợp Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội ký hợp đồng dịch vụ với các chuyên gia để tham mưu, tư vấn phát triển hệ thống marketing - bán hàng thì:

- Trường hợp các cá nhân này có đăng ký kinh doanh hành nghề độc lập hoặc có đăng ký thuế theo hình thức hộ kinh doanh cùng ngành nghề với hợp đồng dịch vụ thì Tổng công ty không khấu trừ thuế TNCN mà các cá nhân phải tự kê khai, nộp thuế TNCN với cơ quan thuế và cấp hóa đơn cho Tổng công ty (nếu cá nhân kinh doanh có doanh thu trên 100 triệu đồng/năm) theo quy định tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC hoặc Tổng công ty lập bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ mua vào không có hóa đơn mẫu số 01/TNDN (nếu cá nhân kinh doanh có doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở xuống) theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC.

- Trường hợp các cá nhân không có đăng ký kinh doanh hành nghề độc lập hoặc đăng ký thuế theo hình thức hộ kinh doanh thì Tổng công ty thực hiện khấu trừ thuế TNCN theo mức 10% trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân với tổng mức trả thu nhập từ hai triệu (2.000.000) đồng/lần trở lên theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

Công văn số:74027/CT-TTHT ngày 24 tháng 09 năm 2019 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc chính sách thuế GTGT đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản.

Trả lời công văn số 55/CV-THV ngày 20/08/2019 của Công ty TNHH bất động sản Tây Hồ View hỏi về chính sách thuế GTGT khi chuyển nhượng bất động sản, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.

Căn cứ quy định trên, trường hợp Công ty TNHH Bất động sản Tây Hồ View được giao đất để thực hiện dự án “Tổ hợp chung cư văn phòng kết hợp dịch vụ, thương mại Newtatco” theo Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND TP Hà Nội thì khi bán các căn hộ thuộc của dự án cho khách hàng, giá đất được trừ để tính thuế

GTGT bao gồm tiền sử dụng đất phải nộp NSNN (không kể tiền sử dụng đất được miễn, giảm) và chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định tại tiết a.1 khoản 10 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC. Phần giá đất được trừ của dự án được chia cho số m² sàn xây dựng không bao gồm diện tích dùng chung như hành lang, cầu thang, tầng hầm, công trình xây dựng mặt đất theo hướng dẫn tại tiết a.7 khoản 10 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

KIỆN THỨC PHÁP LUẬT

Thay đổi quy định về thời hạn kê khai thuế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế thực hiện các nghĩa vụ thuế theo quy định.

Theo Luật quản lý thuế hiện hành số 78/2006/QH11 được ban hành ngày 29/11/2006 thì thời hạn khai thuế được quy định như sau:

+ Đối với loại thuế khai thuế theo quý: Chậm nhất là ngày thứ ba mươi của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế đối với trường hợp khai và nộp theo quý.

+ Đối với loại thuế có kỳ tính thuế theo năm: Chậm nhất là ngày thứ chín mươi, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính đối với hồ sơ quyết toán thuế năm.

Tuy nhiên, việc xác định ngày thứ 30 của quý tiếp theo hay ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch cũng gây không ít nhầm lẫn cho người nộp thuế, đặc biệt trong các năm tháng 2 có 29 ngày, dẫn đến người nộp thuế bị chậm muộn trong việc kê khai, nộp thuế theo quy định.

Nắm bắt các vướng mắc khi đưa chính sách vào áp dụng thực tiễn, Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã có những sửa đổi về thời hạn kê khai thuế phù hợp hơn. Theo đó, thời hạn kê khai thuế được quy định và bắt đầu có hiệu lực áp dụng kể từ ngày 01/7/2020 như sau:

+ Đối với loại thuế khai thuế theo quý: Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng đầu của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế đối với trường hợp khai và nộp theo quý.

+ Đối với loại thuế có kỳ tính thuế theo năm: Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính đối với hồ sơ quyết toán thuế năm; chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng đầu tiên của năm dương lịch hoặc năm tài chính đối với hồ sơ khai thuế năm; Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 4 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch đối với hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân của cá nhân trực tiếp quyết toán thuế;

Theo đó, đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế thời hạn kéo dài thêm 01 tháng so với Luật Quản lý thuế 2006. Việc sửa đổi quy định về thời hạn khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân của cá nhân để tạo điều kiện cho việc khấu trừ và quyết toán thuế.

Bên cạnh đó, Luật Quản lý thuế 2019 cũng bổ sung quy định trường hợp người nộp thuế khai thuế thông qua giao dịch điện tử trong ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế mà cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế gặp sự cố thì người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế, chứng từ nộp thuế điện tử trong ngày tiếp theo sau khi cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế tiếp tục hoạt động.

(Các nội dung trên được hướng dẫn tại Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14).

Luật quản lý thuế mới số 38/2019/QH14: tăng cường kiểm soát đối với hoạt động thương mại điện tử.

Cùng với sự phát triển của thời đại công nghệ 4.0; hàng loạt mô hình kinh doanh mới được hình thành và phát triển nhanh chóng, trong đó phải kể đến hoạt động kinh doanh qua mạng internet (hay còn gọi là thương mại điện tử). Điều này đồng thời cũng đặt ra những thách thức và đòi hỏi mới cho Chính phủ trong công tác quản lý, đặc biệt là trong lĩnh vực thuế nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch giữa các nhóm người nộp thuế và tránh thất thu thuế cho Ngân sách Nhà nước. Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 1/7/2020 đã kịp thời bổ sung hành lang pháp lý liên quan đến công tác quản lý thuế đối với hoạt động này. Đây cũng là một trong những nội dung được Người nộp thuế quan tâm nhất khi Luật quản lý thuế mới được ban hành.

Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã bổ sung quy định liên quan đến quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử, cụ thể: Đối với hoạt động kinh doanh TMĐT, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác được thực hiện bởi nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam thì nhà cung cấp ở nước ngoài có nghĩa vụ trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam.

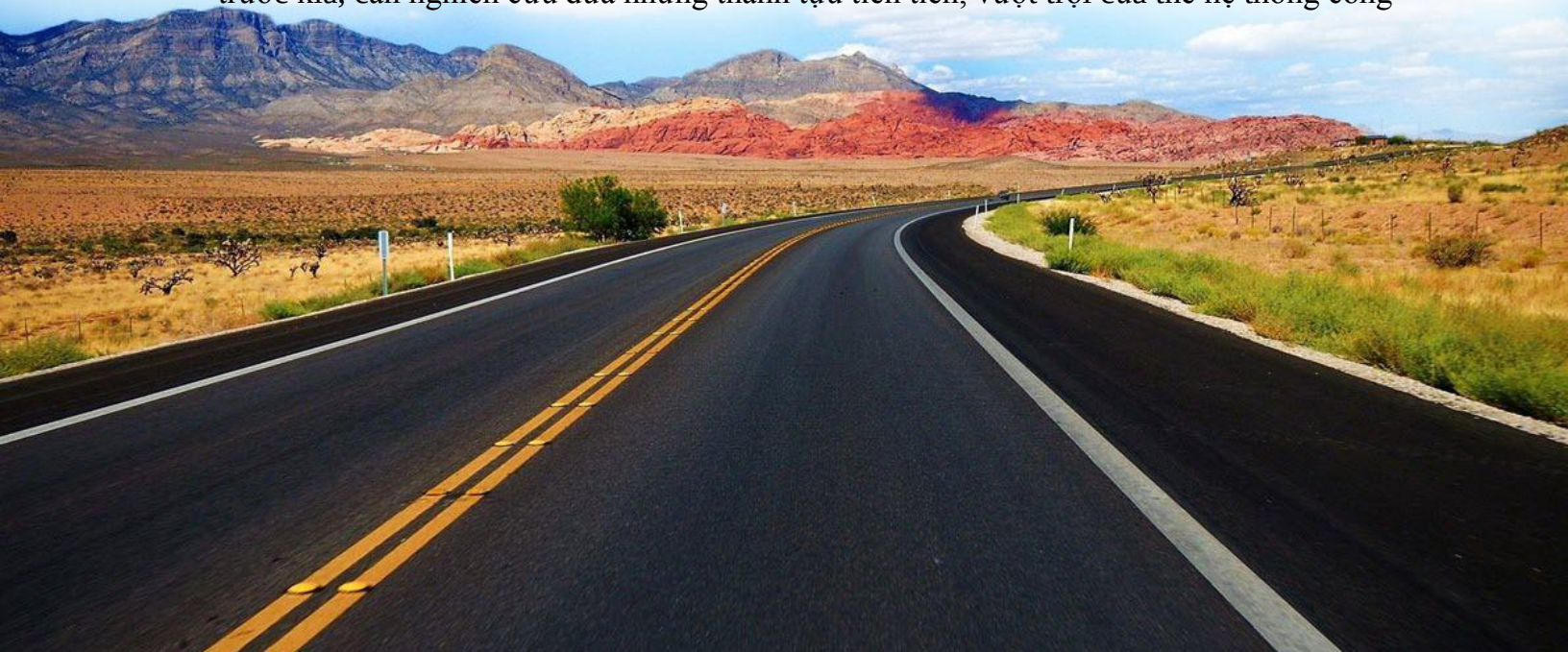
Đồng thời, tại Luật cũng bố trí một điều riêng (Điều 27) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của ngân hàng thương mại trên cơ sở kế thừa các quy định hiện hành, đồng thời, bổ sung các quy định như khấu trừ, nộp thay tổ chức, cá nhân ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử; cung cấp thông tin để quản lý thuế phù hợp với việc quản lý thuế theo phương thức điện tử, đồng bộ trong phát triển Chính phủ điện tử và đảm bảo phù hợp với pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng. Cụ thể, Ngân hàng thương mại có các nhiệm vụ, quyền hạn: Cung cấp thông tin về số hiệu tài khoản theo mã số thuế của người nộp thuế khi mở tài khoản; Khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp theo quy định pháp luật về thuế của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương

mại điện tử có phát sinh thu nhập từ Việt Nam; Trích tiền để nộp thuế từ tài khoản của người nộp thuế, phong tỏa tài khoản của người nộp thuế bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế;... Trường hợp người nộp thuế có bảo lãnh về tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của Luật này nhưng người nộp thuế không nộp đúng thời hạn thì ngân hàng bảo lãnh phải chịu trách nhiệm nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước thay cho người nộp thuế trong phạm vi bảo lãnh.

Tuy nhiên, để các quy định này đi vào thực tế cũng như công tác quản lý và thu thuế đối với hoạt động thương mại điện tử phát huy hiệu quả cao nhất thì vẫn cần sự nghiên cứu kỹ lưỡng của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế; sự phối hợp sâu sát giữa cơ quan thuế và các cơ quan Nhà nước, các đơn vị có liên quan để có được thông tin đầy đủ trong việc quản lý đối tượng kinh doanh TMĐT và quản lý khai báo, thu, nộp thuế đối với hoạt động thương mại điện tử hiệu quả, đặc biệt là Ngân hàng và hải quan. Theo đó, một số nhiệm vụ cụ thể đề ra như sau:

- Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế): cần xây dựng quy trình đăng ký thuế đơn giản (có thể mở trên website của Tổng cục Thuế hệ thống ứng dụng để hướng dẫn tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động kinh doanh trên mạng phát sinh thu nhập tại Việt Nam được thực hiện đăng ký thuế để được cấp mã số thuế và kê khai, nộp thuế qua mạng); tiếp tục xây dựng cơ sở dữ liệu và triển khai rộng rãi các dịch vụ thuế điện tử như khai thuế điện tử, hoá đơn điện tử, nộp thuế online để khuyến khích nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ nước ngoài nộp thuế tại Việt Nam.

Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế cũng cần có giải pháp về công nghệ thông tin một cách tổng thể, phù hợp với đối tượng quản lý mới, phức tạp và đặc thù của loại hình kinh doanh TMĐT. Ngoài việc tiếp tục phát triển ứng dụng theo các công nghệ truyền thống như trước kia, cần nghiên cứu đưa những thành tựu tiên tiến, vượt trội của thể hệ thống công



nghe 4.0 đang là xu thế phát triển lớn mạnh trên thế giới vào hỗ trợ công tác quản lý thuế, nhất là trong các nghiệp vụ phát hiện, cảnh báo, giám sát và đôn đốc đối tượng nộp thuế kinh doanh trong lĩnh vực TMĐT.

- Cơ quan hải quan: Yêu cầu đặt ra với việc quản lý hoạt động thương mại điện tử với hàng hóa xuất nhập khẩu là phải hạn chế việc lợi dụng chính sách hiện hành để giảm hoặc tránh nghĩa vụ thuế (ví dụ: việc nhập khẩu hàng hóa theo hình thức quà tặng, hàng xách tay). Hiện nay, Tổng cục Hải quan đang xây dựng Đề án quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; theo đó, hàng hóa xuất, nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam hoặc từ Việt Nam ra nước ngoài phải chịu sự giám sát của cơ quan hải quan.

- Sự phối hợp với các Ngân hàng thương mại: Theo quy định nêu trên thì Ngân hàng thương mại có trách nhiệm khấu trừ các khoản thu nhập phát sinh tại Việt Nam của các nhà cung cấp nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử có phát sinh thu nhập từ Việt Nam. Tuy nhiên, điều này sẽ cần phải có thêm cơ sở pháp lý để ngân hàng thương mại được phép khấu trừ. Do đó, Tổng cục Thuế cần tiếp tục nghiên cứu quy định của NHNN, đồng thời phối hợp với NHNN, các NHTM để xác định những tiêu chí, điều kiện để hướng dẫn các NHTM khấu trừ các khoản thuế theo đúng quy định của Luật.

Hiện nay, Hiện tại NHNN đã có Thông tư hướng dẫn về thanh toán thẻ qua biên giới. Trong thời gian tới, Tổng cục Thuế dự kiến báo cáo Bộ Tài chính phối hợp với NHNN phối hợp để thực hiện việc quản lý hoạt động thanh toán của các thẻ này cho phù hợp với thông lệ quốc tế, từ đó có đủ cơ sở để hướng dẫn các NHTM khấu trừ tại nguồn với các thanh toán, giao dịch thương mại điện tử xuyên biên giới.

- Các đơn vị khác có liên quan: Luật Quản lý thuế số 38 cũng bổ sung quy định hỗ trợ thu thuế của cơ quan thuế các nước, cơ quan thuế Việt Nam có thể yêu cầu cơ quan thuế nước ngoài hỗ trợ thu thuế với đơn vị kinh doanh nước ngoài có nợ thuế ở Việt Nam và ngược lại.

Như vậy, bên cạnh việc cải cách thủ tục quản lý thuế hướng tới hoạt động quản lý thống nhất, công khai, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện, Luật Quản lý thuế đã bước đầu tạo hành lang pháp lý cho việc ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại cho công tác quản lý thuế, trong đó có việc áp dụng rộng rãi phổ biến quản lý thuế điện tử, giao dịch điện tử trong cuộc CMCN 4.0. Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 sẽ bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2020.

Quy định sửa đổi về khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14.

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp dù thực hiện hạch toán và kê khai đúng thời điểm, đúng quy định về kế toán và hồ sơ khai thuế vẫn không tránh được các trường hợp bỏ sót hoặc hạch toán nhầm các nội dung kinh tế dẫn đến việc phải kê khai bổ sung, điều chỉnh các hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế. Do đó, việc nắm bắt các quy định về việc kê khai bổ sung, hoặc điều chỉnh hồ sơ khai thuế trong Luật quản lý thuế là điều vô cùng cần thiết nhằm giúp người nộp thuế biết cách xử lý khi phát hiện có những sai sót nhầm lẫn trong quá trình thực hiện các chính sách thuế.

Theo quy định hiện hành, sau khi hết hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định, người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế. Hồ sơ khai thuế bổ sung được nộp cho cơ quan thuế vào bất cứ ngày làm việc nào, không phụ thuộc vào thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của lần tiếp theo, nhưng phải trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế; nếu cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã ban hành kết luận, quyết định xử lý về thuế sau kiểm tra, thanh tra thì người nộp thuế được khai bổ sung, điều chỉnh.

Theo Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 mới vẫn giữ quy định phải khai bổ sung, điều chỉnh “trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế” nhưng có quy định bổ sung thêm giới hạn việc khai bổ sung, điều chỉnh chỉ được thực hiện trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai sót. Quy định này nhằm nâng cao trách nhiệm của người nộp thuế trong việc rà soát hồ sơ khai thuế, khi xác định nghĩa vụ thuế và cũng phù hợp với thời hạn truy thu thuế trong Luật Quản lý thuế.

Ngoài ra, Luật mới còn bổ sung quy định trường hợp khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã công bố quyết định thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế thì người nộp thuế vẫn được khai bổ sung hồ sơ khai thuế và bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định của Luật này.

Đối với cơ quan hải quan, bổ sung nội dung trường hợp người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế sau thông quan phát sinh số thuế phải nộp tăng thêm hoặc cơ quan hải quan ấn định thuế sau thông quan, thì thời hạn nộp tiền thuế khai bổ sung, nộp tiền thuế ấn định được áp dụng theo thời hạn nộp thuế của tờ khai ban đầu.

(Các nội dung trên được hướng dẫn tại Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14).

Điểm mới trong công tác xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế.

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/7/2020, có nhiều quy định về xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế thu hút sự quan tâm của dư luận, bởi có nhiều chế tài miễn phạt, xử phạt vi phạm mới liên quan trực tiếp đến các tổ chức, cá nhân khi thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước.

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14:

1. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế

+ Bổ sung quy định nguyên tắc hành vi vi phạm hành chính về sử dụng hóa đơn (sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn hoặc sử dụng hóa đơn không đúng quy định) dẫn đến thiếu thuế, trốn thuế thì không xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn mà bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế.

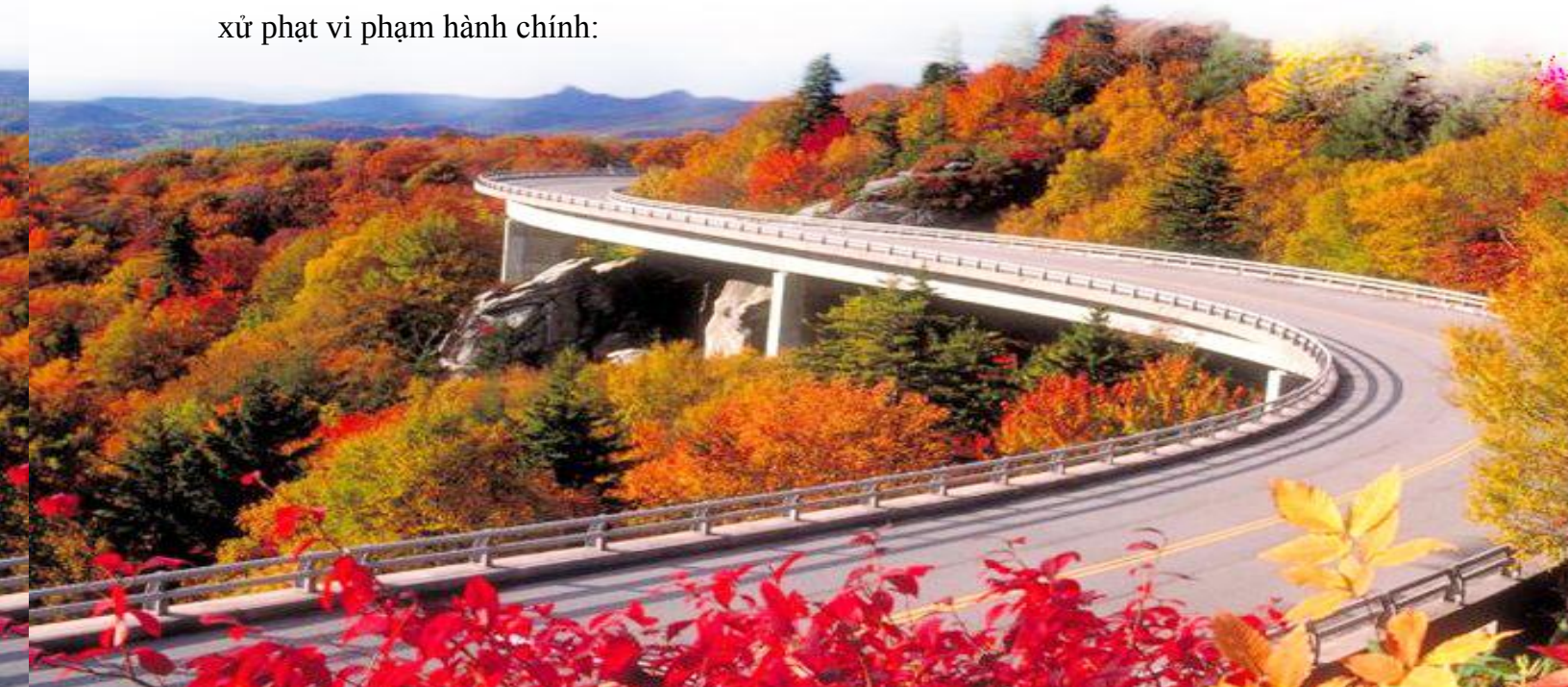
+ Luật hóa nguyên tắc trường hợp người nộp thuế bị ấn định thuế theo quy định thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm có thể bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế.

- Về biên bản vi phạm hành chính: bổ sung quy định Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ khai thuế, hồ sơ quyết toán thuế bằng phương thức điện tử xác định rõ hành vi vi phạm hành chính về quản lý thuế của người nộp thuế được xác định là biên bản vi phạm hành chính làm căn cứ ban hành quyết định xử phạt.

2. Miễn tiền phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế

Về miễn tiền phạt vi phạm hành chính: bổ sung quy định miễn tiền phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế cho người nộp thuế (bao gồm cả cá nhân và tổ chức) bị thiệt hại do gặp thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ; các trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của Chính phủ.

- Về các trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính: bổ sung các trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính:



+ Không xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế trong các trường hợp sau đây: người nộp thuế được gia hạn nộp hồ sơ khai thuế; cá nhân trực tiếp quyết toán thuế thu nhập cá nhân chậm nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân mà có phát sinh số tiền thuế được hoàn; hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã bị ấn định thuế theo phương pháp khoán thuế.

+ Không xử phạt vi phạm hành chính về thuế trong trường hợp người nộp thuế khai sai dẫn đến làm thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn nếu đã khai bổ sung hồ sơ khai thuế và tự giác khắc phục hậu quả bằng cách nộp đủ số tiền thuế phải nộp trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế hoặc trước thời điểm cơ quan thuế phát hiện không qua thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế hoặc trước khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện.

+ Không bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với trường hợp do người nộp thuế thực hiện theo văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.

Về hành vi vi phạm

+ Bổ sung một số hành vi sau:

Xử phạt về hành vi khai sai dẫn đến thiếu thuế đối với trường hợp người nộp thuế đã lập hồ sơ xác định giá thị trường hoặc đã lập tờ khai giao dịch liên kết nhưng cơ quan quản lý thuế, cơ quan có thẩm quyền khi thanh tra, kiểm tra kết luận số liệu thanh tra, kiểm tra khác với số liệu đã khai của người nộp thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn.

Xử phạt về hành vi trốn thuế đối với hành vi sử dụng chứng từ, tài liệu không phản ánh đúng bản chất giao dịch hoặc giá trị giao dịch thực tế để xác định sai số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm, số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế không phải nộp.

+ Luật hóa quy định xử phạt về hành vi khai sai dẫn đến thiếu thuế đối với trường hợp sử dụng hóa đơn không hợp pháp thuộc lỗi của người bán.

Về mức phạt tiền đối với hành vi trốn thuế: bổ sung quy định mức phạt tiền tối đa đối với hành vi hành vi trốn thuế thực hiện theo quy định của Luật quản lý thuế (không phân biệt tổ chức hay cá nhân vi phạm).

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được ban hành là một bước nhằm thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong xử phạt vi phạm hành chính; đảm bảo tính công khai, minh bạch, thống nhất, công bằng trong áp dụng pháp luật. Nghị định cũng góp phần tăng cường tính hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý hành chính thuế nhằm chống thất thu, giảm nợ thuế, thu đúng, đủ, kịp thời tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước.

Thông tư số:31/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài chính.

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 31/2019/TT-BTC hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế ngày 05/6/2019.

Theo đó, kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đối với công chức, viên chức, hợp đồng lao động không xác định thời hạn quy định tại Nghị định 68/2000/NĐ-CP trong các đơn vị sự nghiệp công lập, được thực hiện như sau:

Thứ nhất, đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên thì sử dụng nguồn thu và nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP và các Nghị định của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ trong các lĩnh vực để thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định 108/2014/NĐ-CP và Nghị định 113/2018/NĐ-CP.

Thứ hai, đối với đơn vị sử dụng nguồn thu của đơn vị được để lại theo quy định, dự toán ngân sách Nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên được giao hằng năm (nếu có) và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để chi trả cho các chế độ sau: Kinh phí để thực hiện các chế độ tinh giản biên chế đối với công chức, viên chức theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 2 Nghị định 108/2014/NĐ-CP gồm trợ cấp một lần bằng 03 tháng tiền lương hiện hưởng theo quy định tại Thông tư liên tịch 01/2015/TTLT-BNV-BTC...

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 25/7/2019 đến hết 31/12/2021 và áp dụng từ năm ngân sách 2019.

Thông tư này:

- Làm hết hiệu lực một phần Thông tư liên tịch 01/2015/TTLT-BNV-BTC
- Hướng dẫn Nghị định 108/2014/NĐ-CP; Nghị định 113/2018/NĐ-CP

Thông tư số:33/2019/TT-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài chính.

Ngày 10 tháng 6 năm 2019 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 33/2019/TT-BTC về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ và Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm

2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ.

Cụ thể, mức thu phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ đối với bản đồ địa hình quốc gia in trên giấy có mức thu: Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:10.000 và lớn hơn có mức thu là 120.000 đồng/tờ; Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 có mức thu là 130.000 đồng/tờ; Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000 có mức thu 140.000 đồng/tờ; Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:100.000 và nhỏ hơn có mức thu 170.000 đồng/tờ.

Mức thu phí khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia như sau: Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 0.5 mét đến 5 mét đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/5.000 có mức thu là 80.000 đồng/mảnh. Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2.000 có mức thu là 400.000 đồng/mảnh. Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:250.000; 1:500.000; 1:1.000.000 có mức thu là 8 triệu đồng/mảnh;...

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/8/2019.

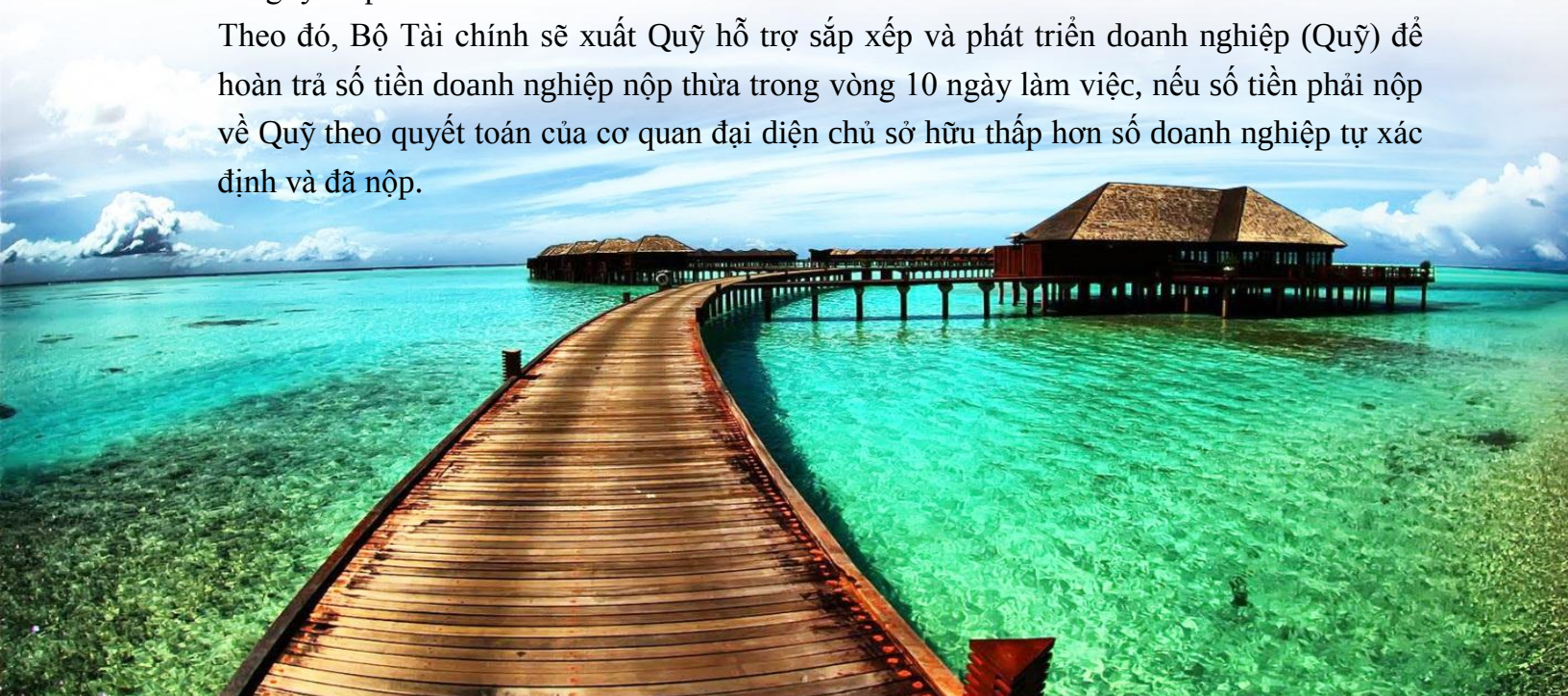
Thông tư này:

- Làm hết hiệu lực một phần Thông tư 196/2016/TT-BTC
- Sửa đổi, bổ sung Thông tư 34/2017/TT-BTC
- Hướng dẫn Nghị định 45/2015/NĐ-CP; Luật Phí và lệ phí 2015

Thông tư số:34/2019/TT-BTC ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài chính.

Ngày 11/6/2019, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 34/2019/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 40/2018/TT-BTC hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp Nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Theo đó, Bộ Tài chính sẽ xuất Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (Quỹ) để hoàn trả số tiền doanh nghiệp nộp thừa trong vòng 10 ngày làm việc, nếu số tiền phải nộp về Quỹ theo quyết toán của cơ quan đại diện chủ sở hữu thấp hơn số doanh nghiệp tự xác định và đã nộp.



Bên cạnh đó, Thông tư cũng quy định, cơ quan đại diện chủ sở hữu phải phê duyệt quyết toán Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2017 sau 30 ngày, kể từ ngày 29/7/2019. Công ty mẹ có trách nhiệm bổ sung số tiền chênh lệch so với số phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (nếu có) trong 05 ngày, kể từ ngày quyết toán Quỹ được phê duyệt. Nếu quá thời hạn trên mà công ty mẹ chưa nộp bổ sung số tiền thiếu thì phải nộp thêm tiền lãi chậm nộp theo quy định.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 29/7/2019. Thông tư này:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư 40/2018/TT-BTC
- Hướng dẫn Nghị định 126/2017/NĐ-CP

DANH SÁCH VĂN BẢN TIÊU BIỂU CÓ HIỆU LỰC THÁNG 9/2019		
Tên Văn Bản		Ngày
STT	NGHỊ ĐỊNH	
1	Nghị định 71/2019/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp	BH: 30/08/2019 HL: 15/10/2019
2	Nghị định 69/2019/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao	BH: 15/08/2019 HL: 01/10/2019
3	Nghị định 68/2019/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng	BH: 14/08/2019 HL: 01/10/2019
4	Nghị định 70/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân	BH: 23/08/2019 HL: 10/10/2019
THÔNG TƯ		
1	Thông tư 15/2019/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định chuẩn quốc gia về chữ nổi Braille cho người khuyết tật	BH: 30/08/2019 HL: 16/10/2019

2	Thông tư 14/2019/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo	BH: 30/08/2019 HL: 15/10/2019
3	Thông tư 62/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 38/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	BH: 05/09/2019 HL: 21/10/2019
4	Thông tư 24/2019/TT-BYT của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm	BH: 30/08/2019 HL: 16/10/2019
5	Thông tư 15/2019/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen để nghiên cứu vì mục đích thương mại, phát triển sản phẩm thương mại	BH: 11/09/2019 HL: 28/10/2019
6	Thông tư 26/2019/TT-BYT của Bộ Y tế quy định về Danh mục thuốc hiếm	BH: 30/08/2019 HL: 15/10/2019
7	Thông tư 12/2019/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non	BH: 26/08/2019 HL: 12/10/2019
8	Thông tư 11/2019/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non	BH: 26/08/2019 HL: 12/10/2019
9	Thông tư 09/2019/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc quy định tiêu chuẩn chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	BH: 09/09/2019 HL: 25/10/2019

10	Thông tư 13/2019/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định tiêu chuẩn chức danh Giám đốc, Phó giám đốc sở giáo dục và đào tạo thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	BH: 30/08/2019 HL: 24/10/2019
11	Thông tư 60/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	BH: 30/08/2019 HL: 15/10/2019
12	Thông tư 59/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Căn cước công dân	BH: 30/08/2019 HL: 16/10/2019
13	Thông tư 25/2019/TT-BYT của Bộ Y tế về việc quy định truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế	BH: 30/08/2019 HL: 16/10/2019
14	Thông tư 30/2019/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đơn vị Đăng kiểm xe cơ giới	BH: 28/08/2019 HL: 15/10/2019
15	Thông tư 07/2019/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch	BH: 30/08/2019 HL: 15/10/2019
16	Thông tư 31/2019/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ	BH: 29/08/2019 HL: 15/10/2019
17	Thông tư 54/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên	BH: 21/08/2019 HL: 10/10/2019
18	Thông tư 14/2019/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước	BH: 30/08/2019 HL: 15/10/2019

19	Thông tư 55/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận, xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ khi chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp Nhà nước	BH: 21/08/2019 HL: 10/10/2019
20	Thông tư 57/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế xử lý rủi ro của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	BH: 26/08/2019 HL: 15/10/2019
21	Thông tư 56/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 49/2015/TT-BTC ngày 14/4/2015 quy định thủ tục hải quan đối với thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định và Thông tư 191/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế	BH: 23/08/2019 HL: 15/10/2019
22	Thông tư 21/2019/TT-BYT của Bộ Y tế về việc hướng dẫn thí điểm về hoạt động y học gia đình	BH: 21/08/2019 HL: 15/10/2019
23	Thông tư 15/2019/TT-BCT của Bộ Công Thương về việc sửa đổi Khoản 1 và Khoản 4 Điều 12 của Thông tư 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực	BH: 26/08/2019 HL: 15/10/2019
24	Thông tư 14/2019/TT-BCT của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 32/2016/TT-BCT ngày 15/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn tời trục mỏ"	BH: 14/08/2019 HL: 18/10/2019
25	Thông tư 13/2019/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	BH: 21/08/2019 HL: 05/10/2019

26	Thông tư 11/2019/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về kiểm soát đặc biệt đối với tổ chức tín dụng	BH: 02/08/2019 HL: 01/10/2019
27	Thông tư 53/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	BH: 20/08/2019 HL: 05/10/2019
28	Thông tư 04/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng	BH: 16/08/2019 HL: 01/10/2019
29	Thông tư 52/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 217/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xác minh giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu của cá nhân; Thông tư 258/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy	BH: 16/08/2019 HL: 01/10/2019
30	Thông tư 14/2019/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc trực tiếp phục vụ thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500, 1:1.000 và bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000	BH: 16/08/2019 HL: 01/10/2019

31	Thông tư 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp	BH: 08/08/2019 HL: 10/10/2019
32	Thông tư 29/2019/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 12/2011/TT-BGTVT ngày 30/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về cấp, thu hồi Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc đảm bảo tài chính theo Công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu năm 1992	BH: 12/08/2019 HL: 01/10/2019
33	Thông tư 28/2019/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 46/2011/TT-BGTVT ngày 30/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về cấp, thu hồi Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc đảm bảo tài chính theo Công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu năm 2001	BH: 12/08/2019 HL: 01/10/2019
34	Thông tư 50/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu của doanh nghiệp Nhà nước có chức năng mua, bán, xử lý nợ	BH: 08/08/2019 HL: 01/10/2019
35	Thông tư 15/2019/TT-BYT của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập	BH: 11/07/2019 HL: 01/10/2019
36	Thông tư 24/2019/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống thiết bị phòng vệ đường ngang cảnh báo tự động - QCVN 104:2019/BGTVT	BH: 05/07/2019 HL: 01/10/2019
QUYẾT ĐỊNH		
1	Quyết định 03/2019/QĐ-KTNN của Kiểm toán Nhà nước về việc quy định trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo	BH: 16/09/2019 HL: 31/10/2019

	quyết toán ngân sách, dự toán kinh phí của các đơn vị được kiểm toán	
2	Quyết định 27/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người lao động tại huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đến năm 2020	BH: 09/09/2019 HL: 25/10/2019
3	Quyết định 25/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi Quyết định 35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định 02/2012/QĐ-TTg ngày 13/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung	BH: 13/08/2019 HL: 01/10/2019
4	Quyết định 969/QĐ-BHXH của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội địa phương	BH: 29/07/2019 HL: 01/10/2019
5	Quyết định 02/2019/QĐ-KTNN của Kiểm toán Nhà nước về việc ban hành Hướng dẫn phương pháp tiếp cận kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu trong kiểm toán Báo cáo tài chính ngân hàng	BH: 22/08/2019 HL: 06/10/2019
6	Quyết định 1617/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông Vận tải	BH: 30/08/2019 HL: 01/10/2019

Đây là một trong nhiều Bản tin của Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM cập nhật những thông tin, cải cách mới về môi trường pháp lý, thuế và đầu tư của Việt Nam. Mọi thông tin, phân tích hay bình luận trong bản tin này nhằm giới thiệu chung, không thay thế cho bất kỳ lời tư vấn cho một tình huống cụ thể của khách hàng.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 8, Cao ốc Văn
phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi,
Q. Thanh Xuân
TP. Hà Nội

Phone: 024 3783 2121
Fax: 024 3783 2122

CN. MIỀN NAM

Tầng 4, Tòa nhà
Hoang Anh Safomec,
7/1 Thanh Thai, P.14,
Q.10
TP. Hồ Chí Minh

Phone: 028 3832 9969
Fax: 028 3832 9959

CN. MIỀN BẮC

Số 97, Phố Trần Quốc
Toản, Phường Trần
Hưng Đạo,
Quận Hoàn Kiếm,
TP. Hà Nội

Phone: 024 73061268
Fax: 024 7306 1269

VP. ĐẠI DIỆN

Tầng 16, Tòa nhà
T01-C37 Bắc Hà,
Đường Tố Hữu,
Quận Nam Từ Liêm,
TP. Hà Nội

Phone: 024 6666 6368
Fax: 024 6666 6368

